

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 -7-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa bà
H1 và ông H2”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hơn.
2. Bà Đoàn Huỳnh Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: 255^D Bis đường Ng, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

Chỗ ở: Ấp H, xã M, thành phố M, Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Lương Lê H2, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 11E Bis/1 đường Ng, phường B, thành phố M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn ly hôn đề ngày 29 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị H1 trình bày:* Bà và ông Lương Lê H2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn năm 1982 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân tuy bà và ông H2 không thường xuyên gặp nhau, nhưng cuộc sống chung của bà và ông H2 hạnh phúc. Đến khi ông H2 về làm việc gần gia đình và bà sinh con thứ 3 thì bà và ông H2 luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến kéo dài nên bà sống ly thân với ông H2 năm 2015. Bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H2 nên yêu cầu được ly hôn. Bà và ông H2 có ba con chung gồm Lê Đức H3, sinh năm 1988 và Lê Đức H4, sinh năm 1994 đã trưởng thành, riêng Lê Đức H5, sinh năm 1984 đã chết. Bà và ông H2 không có tài sản chung và không nợ ai.

* Ông Lương Lê H2 từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của bà Lê Thị H1 về tranh chấp ly hôn với ông Lương Lê H2 thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Tại phiên tòa, ông Lương Lê H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông H2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H1 và ông H2 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 1982 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân, bà H1 và ông H2 sống với nhau hạnh phúc. Đến khi ông H2 nhận công tác gần nhà, bà H1 sinh con thứ 3 thì bà H1 và ông H2 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không thể hòa hợp kéo dài đến năm 2015 thì bà H1 và ông H2 sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa bà H1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H2. Đồng thời khoảng thời gian bà H1 và ông H2 sống ly thân, cả hai vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, bà H1 không thể duy trì cuộc sống chung với ông H2. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, ông H2 không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc bà H1 yêu cầu ly hôn với ông và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với bà H1. Do đó bà H1 yêu cầu được ly hôn ông H2 là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà H1 và ông H2 có ba con chung gồm Lê Đức H5, sinh năm 1984 đã chết, còn 02 con tên Lê Đức H3, sinh năm 1988 và Lê Đức H4, sinh năm 1994 đã trưởng thành, không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Bà H1 trình bày không có, không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bà H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H1 ly hôn với ông Lương Lê H2.

2. Về nuôi con chung: Bà H1 và ông H2 còn hai con chung tên Lê Đức H3, sinh năm 1988 và Lê Đức H4, sinh năm 1994 đều trưởng, không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Bà H1 trình bày không có, không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà H1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01331 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, như vậy bà H1 đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSDND TP. Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, Tiền Giang;
- UBND Phường 3, TP.Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hoàng Yến